| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH P** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Sè: 46/2022/QĐDS - ST
Ngày: 14 - 9 - 2022
V/v Công nhận thuận
tình ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH P**

***Với thành phần giải quyết việc dân sự:***

Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Trường Sơn – Thẩm phán.

Th- ký phiên họp: Ông Lê Hồng Đăng — Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên họp: Ông Trần Xuân Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày14/9/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ mở phiên họp sơ thẩm cụng khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 110/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con.

Theo Quyết định mở phiên họp số: 79/2022/QĐPH- ST ngày 07 tháng 9 năm 2022 giữa các đ- ơng sự:

+ Anh Cù Trọng T, sinh năm 1992

ĐKHKTT: Khu 6, xã Thọ Văn, huyện T, tỉnh P.

+ Chị Bùi Thị Hồng N, sinh năm 1997

ĐKHKTT: Khu 6, xã Thọ Văn, huyện T, tỉnh P.

(Hiện tại đang lao động tại Nhật Bản)

+ Đại diện theo ủy quyền của chị N: Ông Bùi Trọng T, sinh năm 1971.

ĐKHKTT: Khu 7, xã Phùng Nguyên, huyện L, tỉnh P.

(Các đương sự đều xin giải quyết vắng mặt)

***Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết:***

+ Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn cùng bản tự khai, chị Bùi Thị Hồng N và anh Cù Trọng T trình bày: Chị N và anh T đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 28/01/2015, trên cơ sở tự nguyện. Sau hơn một năm chung sống, có một

con chung, vợ chồng liên tục cãi nhau. Từ tháng 4/2016 vợ chồng sống ly thân, tình cảm không còn, cả hai anh chị xin được ly hôn.

+ Về con chung: Chị N và anh T xác định vợ chồng có 01 con chung là Cù N Bích, sinh ngày 01/12/2014, hiện nay cháu Bích đang ở với anh T tại khu 6, xã Thọ Văn, huyện T, tỉnh P. Hai anh chị thống nhất giao cháu Bích cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về lệ phí ly hôn: Chị Bùi Thị Hồng N tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí ly hôn. Chị N và anh T đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và giải quyết vắng mặt.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P phát biểu quan điểm: Đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn, nuôi con giữa chị Bùi Thị Hồng N và anh Cù Trọng T, công nhận sự tự nguyện nộp lệ phí ly hôn của chị N.

**NHẬN ĐỊNH:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh P nhận định:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị Hồng N và anh Cù Trọng T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có sự quan tâm, gần gũi, chia sẻ trong cuộc sống gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Trên thực tế anh T và chị N đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần công nhận việc thuận tình ly hôn của hai anh chị là phù hợp.

Chị Bùi Thị Hồng N đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản đã làm đơn xin thuận tình ly hôn, có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản. Anh T đã trực tiếp ký vào đơn và tự khai tại Tòa án nhân dân tỉnh P thể hiện quan điểm thuận tình ly hôn. Cả hai anh chị đều đề nghị không hòa giải và được giải quyết vắng mặt. Từ đó đủ căn cứ để kết luận việc chị Bùi Thị Hồng N và anh Cù Trọng T thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, được chấp nhận.

Về con chung: Chị N và anh T xác định vợ chồng có 01 con chung là Cù N Bích, sinh ngày 01/12/2014, nay cháu Bích đang ở với anh T. Khi ly hôn anh chị thống nhất giao cháu Bích cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không phải đóng

góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy việc thỏa thuận về nuôi con của hai anh chị là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhân.

+ Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị N và anh T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

+ Về lệ phí ly hôn: Chị Bùi Thị Hồng N tự nguyện nộp 300.000đ lệ phí ly hôn nên cần được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 55; 81; 82; 83 và Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng: khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 361, 362, 365, 366, 367, 369, 370,371, 464,469 Bộ Luật tố tụng dân sự.

+ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị Hồng N và anh Cù Trọng T.

+ Về Con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Bùi Thị Hồng N và anh Cù Trọng T: Giao cháu Cù N Bích, sinh ngày 01/12/2014 cho anh Cù Trọng T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Bích thành niên. Chị N không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Chị N có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị N và anh T không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

* Về lệ phí ly hôn: Áp dụng khoản 2 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 3 Điều 37 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH.

- Chị Bùi Thị Hồng N tù nguyÖn chịu 300.000® lÖ phÝ ly h«n. X¸c nhËn chị N ®· nép 300.000® theo biªn lai thu sè 0000247 ngµy 17/8/2022 t¹i Côc thi hµnh ¸n d©n sù tØnh Phó Thä.

- Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

***Nơi nhận:***
- VKSND Tỉnh;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Đ- ơng sự;
- L- u HS.

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**
**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Trường Sơn**